UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2014/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 25 tháng 01 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách năm 2002;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, xóm, bản (sau đây gọi chung là xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

1. Ở xã, phường, thị trấn

a) Xã, phường, thị trấn loại 1 bố trí tối đa: 14 người.

b) Xã, phường, thị trấn loại 2 bố trí tối đa: 13 người.

c) Xã, phường, thị trấn loại 3 bố trí tối đa: 12 người.

2. Ở xóm, tổ dân phố

a) Xóm thuộc xã và tổ dân phố thuộc thị trấn (không bố trí công an chính quy) bố trí tối đa: 5 người.

b) Tổ dân phố thuộc phường, thị trấn (có bố trí công an chính quy) bố trí tối đa: 7 người.

Điều 2. Quy định chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

1. Ở xã, phường, thị trấn

a) Phó Trưởng Công an;

b) Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự;

c) Trưởng ban Bảo vệ dân phố;

d) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;

đ) Chủ tịch Hội người cao tuổi;

e) Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận tổ quốc;

f) Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

g) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ;

h) Phó Chủ tịch Hội nông dân;

i) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

k) Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố;

l) Đảng, Đoàn thể;

m) Xây dựng Nông thôn mới;

n) Văn hoá - Xã hội;

o) Kinh tế - Tài chính;

p) Hành chính - Tư pháp;

q) Địa chính - Xây dựng.

2. Chức danh Phó Trưởng Công an thuộc xã, thị trấn loại 1, loại 2 và xã trọng điểm về an ninh trật tự bố trí tối đa 02 người. Phường, thị trấn loại 1, loại 2 bố trí 01 Trưởng ban và tối đa 02 Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố. Các chức danh từ điểm b đến điểm i, khoản 1, Điều 2, mỗi chức danh bố trí 01 người. Các chức danh từ điểm l đến điểm q, khoản 1, Điều 2, tuỳ theo tình hình cụ thể ở địa phương, UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện xem xét quyết định bố trí cho phù hợp, nhưng tổng số không vượt quá số lượng được quy định tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

3. Ở xóm, tổ dân phố

a) Bí thư chi bộ xóm, tổ dân phố hoặc Bí thư xóm, tổ dân phố ghép;

b) Trưởng xóm hoặc Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Công an viên (nơi xã, thị trấn không bố trí công an chính quy);

d) Mỗi Tổ bảo vệ dân phố được bố trí từ 3 đến 7 tổ viên. Tổ Bảo vệ dân phố có từ 5 tổ viên trở lên có thể có 01 tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố.

đ) Thôn đội trưởng (ở xóm, tổ dân phố);

e) Nhân viên y tế xóm.

Điều 3. Quy định mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Mức phụ cấp hàng tháng

a) Phó Trưởng Công an, Trưởng ban bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 1,4 (một phẩy bốn) mức lương cơ sở.

b) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (trừ Phó Trưởng Công an; Trưởng ban, Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố) hưởng mức phụ cấp hệ số 1,2 (một phẩy hai) mức lương cơ sở.

c) Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 1,0 (một phẩy không) mức lương cơ sở.

d) Bí thư chi bộ, Trưởng xóm, Tổ trưởng tổ dân phố, Công an viên hưởng mức phụ cấp hệ số 1,2 (một phẩy hai); 1,0 (một phẩy); 0,8 (không phẩy tám) mức lương cơ sở tương ứng với xóm, tổ dân phố loại 1, loại 2, loại 3.

đ) Tổ trưởng, Tổ phó, tổ viên tổ bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp tương ứng hệ số 0,8 (không phẩy tám), 0,6 (không phẩy sáu), 0,4 (không phầy bốn) mức lương cơ sở.

e) Thôn đội trưởng hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 (không phẩy năm) mức lương cơ sở.

g) Nhân viên y tế xóm tại các xã vùng khó khăn hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 (không phẩy năm) mức lương cơ sở; tại các xóm thuộc các xã, thị trấn còn lại hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 (không phẩy ba) mức lương cơ sở.

2. Mức hỗ trợ hàng tháng

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có trình độ trung học chuyên nghiệp được hỗ trợ 0,26 (không phẩy hai sáu); trình độ cao đẳng được hỗ trợ 0,36 (không phẩy ba sáu); trình độ đại học được hỗ trợ 0,46 (không phẩy bốn sáu) mức lương cơ sở. Nếu một người có nhiều trình độ thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ của trình độ cao nhất.

3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng

a) Cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đồng thời giữ chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà giảm được 01 (một) người trong số lượng quy định, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hệ số 0,5 (không phẩy năm) mức lương cơ sở.

b) Cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách đồng thời giữ chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố mà giảm được 01 (một) người trong số lượng quy định, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hệ số 0,3 (không phẩy ba) mức lương cơ sở.

c) Trường hợp đồng thời giữ nhiều chức danh những người hoạt động không chuyên trách cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm có hệ số cao nhất.

4. Những người hoạt động không chuyên trách ngoài chế độ phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm, còn được hưởng các loại phụ cấp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

5. Mức phụ cấp hàng tháng đã bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố.

6. Nguồn kinh phí chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách thực hiện theo Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

2. Chế độ chính sách quy định tại Quyết định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 tháng 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố của tỉnh Thái Nguyên và bãi bỏ các quy định khác của UBND tỉnh trái với Quyết định này.

4. Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện Quyết định này.

6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Dương Ngọc Long